

Cao Bằng, ngày 19 tháng 8 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần D.I - Quản lý hành chính Nhà nước

Ngày thi: 03/8/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	8,00	Tám	41	Ngô Thị Ngọc Linh	8,00	Tám
2	Nông Thị Ao	7,75	Bảy phẩy bảy năm	42	Hoàng Thị Mai	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Bạch	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Nguyễn Phương Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Lục Thị Châm	7,50	Bảy phẩy năm	44	Nông Thị Niệm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Lê Kiên Chung		<i>Hoãn thi</i>	45	Dương Thị Ngân	8,00	Tám
6	Hoàng Thị Chuyên		<i>Thôi học</i>	46	Phạm Thị Nhân	7,25	Bảy phẩy hai năm
7	Phan Đoàn Dân	6,50	Sáu phẩy năm	47	Triệu Thị Nháy	8,00	Tám
8	Hà Thị Phương Dung	8,00	Tám	48	Phùng Tồn Nhất	7,00	Bảy
9	Vĩ Thị Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Chu Thị Nhậ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Bê Thị Dung	8,00	Tám	50	Hoàng Thị Nhiệm	7,50	Bảy phẩy năm
11	Luân Tuấn Đạt	7,00	Bảy	51	Nông Thị Hồng Nhung	8,00	Tám
12	Nông Tiến Đạt	8,25	Tám phẩy hai năm	52	Phạm Thị Lưu Như	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Trần Văn Đạt	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Thắm Thị Phúc	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Lưu Chí Đức	6,50	Sáu phẩy năm	54	Hoàng Thúy Quỳnh	7,50	Bảy phẩy năm
15	Tô Thị Giang	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Hứa Mạnh Toàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Đào Thị Hạnh	7,00	Bảy	56	Đỗ Thị Thanh Tú	7,25	Bảy phẩy hai năm
17	Chu Thị Hào	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Phùng Ngọc Tú	6,75	Sáu phẩy bảy năm
18	Hoàng Thị Tú Hiền	7,00	Bảy	58	Mông Tô Tuyên	7,00	Bảy
19	Hoàng Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	59	Nông Văn Tư	7,00	Bảy
20	Nông Trung Hiếu	8,00	Tám	60	Lâm Đức Thành	6,75	Sáu phẩy bảy năm
21	Hà Thị Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Lôi Thị Thao	8,00	Tám
22	Đàm Thị Phương Hoài	8,25	Tám phẩy hai năm	62	Lý Thị Thảo	7,00	Bảy

23	Mã Xuân Hợp	7,50	Bảy phẩy năm	63	Lâm Thu Thiệu	7,50	Bảy phẩy năm
24	Lý Thị Hợp	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Chu Thị Thơm	6,50	Sáu phẩy năm
25	Trịnh Minh Huệ	8,00	Tám	65	Phạm Bằng Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
26	Nông Lý Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	66	Hà Thị Thu	8,00	Tám
27	Hoàng Mạnh Hùng	7,00	Bảy	67	Luong Thị Thanh Thủy	8,25	Tám phẩy hai năm
28	Hà Văn Huy	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Hoàng Thu Thủy	8,25	Tám phẩy hai năm
29	Hoàng Văn Hưng	6,00	Sáu	69	Trần Thị Thu Thúy	8,00	Tám
30	Nông Thị Hương	8,00	Tám	70	Nông Thị Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
31	Đàm Thị Thu Hường	7,75	Bảy phẩy bảy năm	71	Lê Thị Thương	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Hứa Thị Hường	8,00	Tám	72	Nguyễn Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
33	Ma Nông Hữu	6,00	Sáu	73	Chu Thị Huyền Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
34	Nông Thị Kiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm	74	Triệu Thị Trâm	8,25	Tám phẩy hai năm
35	Vương Văn Khuyến	6,00	Sáu	75	Bàn Hữu Trung	6,00	Sáu
36	Lục Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Hoàng Lê Vân	8,25	Tám phẩy hai năm
37	Nông Hồng Lanh	8,00	Tám	77	Trần Văn Việt	8,00	Tám
38	Long Thị Lãnh	7,25	Bảy phẩy hai năm	78	Hoàng Văn Vinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
39	Nông Văn Lâm	7,00	Bảy	79	Hoàng Xuân Vũ	7,50	Bảy phẩy năm
40	Nguyễn Thị Tú Lệ	8,25	Tám phẩy hai năm	80	Hoàng Thị Hải Yến		<i>Thôi học</i>

Điểm 6,00: 04 điểm; Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 07 điểm; Điểm 7,50: 10 điểm; Điểm 7,75: 14 điểm; Điểm 8,00: 16 điểm; Điểm 8,25: 12 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thủy



Trịnh Thị Ánh Hoa